

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

MST: 5400240573

Địa chỉ: Tầng 15 khu B tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng - P.Mỹ Đình 1 - Q. Nam Từ Liêm - Hà nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 30 tháng 09 năm 2015

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100	...	750,796,542,266	625,813,761,306
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	1	<i>9,063,542,744</i>	<i>23,049,984,017</i>
1. Tiền	111	...	9,063,542,744	23,049,984,017
2. Các khoản tương đương tiền	112
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	...	<i>4,420,000,000</i>	<i>4,420,000,000</i>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	...	10,277,200,000	10,277,200,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	...	-5,857,200,000	-5,857,200,000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	...	<i>435,612,030,090</i>	<i>412,406,902,873</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	...	327,867,528,348	337,548,490,973
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	...	43,352,439,056	10,541,170,208
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	...	35,439,876,010	34,988,758,214
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	3	32,499,470,557	32,875,767,359
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	4	-3,547,283,881	-3,547,283,881
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	...	<i>280,650,135,907</i>	<i>170,113,300,270</i>
1. Hàng tồn kho	141	5	280,650,135,907	170,113,300,270
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	...	<i>21,050,833,525</i>	<i>15,823,574,146</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	...	1,890,758,075	...
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	...	19,160,075,450	15,823,574,146
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154
5. Tài sản ngắn hạn khác	155
B. Tài sản dài hạn	200	...	117,671,357,980	121,480,828,188
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>	...	<i>72,000,000</i>	...
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215
6. Phải thu dài hạn khác	216	...	72,000,000	...
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	...	<i>23,235,455,127</i>	<i>28,781,730,424</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	21,615,455,127	27,161,730,424
- Nguyên giá	222	...	121,825,450,887	121,949,774,523
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	...	-100,209,995,760	-94,788,044,099
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224
- Nguyên giá	225
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	1,620,000,000	1,620,000,000
- Nguyên giá	228	...	2,120,000,000	2,120,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	...	-500,000,000	-500,000,000
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>
- Nguyên giá	241
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>	...	<i>931,068,174</i>	<i>736,992,174</i>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	...	931,068,174	736,992,174
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	...	<i>85,610,340,619</i>	<i>83,955,153,161</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251	8	93,609,327,216	90,342,142,141
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9	1,150,000,000	1,150,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	10	-9,148,986,597	-7,536,988,980
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>	...	<i>7,822,494,060</i>	<i>8,006,952,429</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	7,822,494,060	8,006,952,429
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262
3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263
4. Tài sản dài hạn khác	268
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270	...	868,467,900,246	747,294,589,494



Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300	...	721,084,287,285	601,948,959,910
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>	...	<i>721,046,827,285</i>	<i>596,021,721,716</i>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	...	175,871,723,571	118,297,822,094
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	...	171,078,858,218	133,224,332,728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	62,249,476,859	62,868,124,510
4. Phải trả người lao động	314	...	10,477,456,037	10,257,085,043
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	16,712,461,372	19,346,540,323
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	...		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	...		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	...		
9. Phải trả ngắn hạn khác	318	15	65,833,751,250	67,645,322,292
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	216,180,478,039	181,810,318,080
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	...		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	2,642,621,939	2,572,176,646
13. Quỹ bình ổn giá	323	...		
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	...		
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>	...	<i>37,460,000</i>	<i>5,927,238,194</i>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	...		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	...		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	...		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	...		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	...		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	...		
7. Phải trả dài hạn khác	337	...	37,460,000	37,460,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	...		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	...		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	...		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	...		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18		5,889,778,194
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	...		
D. Vốn chủ sở hữu	400	...	147,383,612,961	145,345,629,584
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>19</i>	<i>147,383,612,961</i>	<i>145,345,629,584</i>
1. Vốn chủ sở hữu	411	...	77,350,000,000	77,350,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	...	77,350,000,000	77,350,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	...		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	...	11,927,177,227	11,927,177,227
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	...		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	...		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	...		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	...		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	...		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	...	42,056,716,460	41,453,948,521
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	...		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	...		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	...	16,049,719,274	14,614,503,836
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	...	13,609,890,604	14,614,503,836
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	...	2,439,828,670	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	...		
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<i>430</i>	...		
1. Nguồn kinh phí	431	...		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	...		
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		868,467,900,246	747,294,589,494



Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Mai Thị Na

Đàm Trung Kiên



Mai Thị Na

Đàm Trung Kiên

Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

MST: 5400240573

Địa chỉ: Tầng 15 khu B tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng - P. Mỹ Đình - Q. Nam Từ Liêm - Hà nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý III năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	79,908,435,592	32,896,815,163	189,237,708,666	111,553,865,681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	...		805,142,873	176,350,940	3,864,068,323
3. Doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	1	79,908,435,592	32,091,672,290	189,061,357,726	107,689,797,358
4. Giá vốn hàng bán	11	2	68,988,262,408	29,888,895,013	159,434,328,170	84,202,613,168
5. Lợi nhuận gộp BH và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	...	10,920,173,184	2,202,777,277	29,627,029,556	23,487,184,190
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	1,841,165,500	6,352,388,121	3,308,829,301	8,751,964,665
7. Chi phí tài chính	22	4	5,123,322,370	5,464,534,055	15,850,344,519	17,795,617,688
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	...	5,123,322,370	5,464,534,055	14,238,346,902	16,664,061,396
8. Chi phí bán hàng	25	...				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5	5,852,924,035	2,797,728,796	17,869,662,039	12,934,371,619
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	...	1,785,092,279	292,902,547	-784,147,701	1,509,159,548
11. Thu nhập khác	31	6	170,040,808	69,091,154	6,059,864,346	1,647,232,146
12. Chi phí khác	32	7	783,883,444	347,086,942	1,738,469,017	1,615,536,021
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	...	-613,842,636	-277,995,788	4,321,395,329	31,696,125
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	...	1,171,249,643	14,906,759	3,537,247,628	1,540,855,673
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	...	386,060,495	3,279,487	1,097,418,958	655,348,266
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	...				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	...	785,189,148	11,627,272	2,439,828,670	885,507,407
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	...	102	2	315	114
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	...				

CÔNG TY CP CƠ KHÍ - LẬP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P.mỹ đình, Q. Nam Từ Liêm - Hà nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(9 tháng đầu năm 2015 Theo phương pháp trực tiếp)

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
				NĂM 2015	NĂM 2014
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		295,651,726,831	238,909,832,904
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-40,027,354,756	(37,317,588,304)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		-39,687,706,960	(28,410,073,369)
4	Tiền lãi vay đã trả	04		-11,001,553,770	(13,134,027,541)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-1,900,000,000	-900,000,000
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		137,538,450,700	62,493,657,193
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-196,594,507,137	(121,819,101,485)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		143,979,054,908	99,822,699,398
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	34,543,457
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		149,601,328	32,679,754
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		149,601,328	67,225,211
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3	Tiền thu từ đi vay	33		0	5,000,000,000



STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
				NĂM 2015	NĂM 2014
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		-158,115,097,509	(103,723,268,095)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6	Có tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-158,115,097,509	-98,723,268,095
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50		(13,986,441,273)	1,166,656,514
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23,049,984,017	2,550,673,355
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		9,063,542,744	3,717,329,869

Hà Nội ngày 15 tháng 10 năm 2015

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Mai Thị Na

Đàm Trung Kiên

Mai Thị Na

Đàm Trung Kiên



Trần Thanh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí oxy; Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 Công ty có 675 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 657 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình vào Công ty Cổ phần Someco Sông Đà bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Đến ngày 02 tháng 4 năm 2014, Công ty hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình bằng việc phát hành thêm 735.000 cổ phiếu hoán đổi và tổ chức lại đơn vị hạch toán phụ thuộc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200-2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu kỳ (CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \\ \text{(CT,} \\ \text{HMCT)} \end{array}} \times$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HDQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì doanh thu được ghi nhận bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.719.183.738	2.504.156.021
Tiền gửi ngân hàng	5.344.359.006	20.545.827.996
Cộng	<u>9.063.542.744</u>	<u>23.049.984.017</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000	585.720	5.857.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
Cộng		<u>10.277.200.000</u>		<u>10.277.200.000</u>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải thu khác	11.970.323.115	44.103.436.749
Phải thu cán bộ công nhân viên	1.194.096.933	1.065.444.545
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.232.000.000	1.232.000.000
Phải thu các Công ty con		32.488.758.214
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (*)	6.143.301.295	6.143.301.295
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Phúc Khánh (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
Chi hộ BHXH Hòa Bình	473.624.560	511.420.500
Các khoản phải thu khác	427.300.327	162.512.195
b) Phải thu tạm ứng	19.910.367.102	13.402.888.824
c) Cầm cố, thế chấp, KC, KQ	618.780.340	10.358.200.000
Cộng	<u>32.499.470.557</u>	<u>67.864.525.573</u>

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(3.547.283.881)	(3.547.283.881)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(1.882.567.563)	(1.882.567.563)

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(1.664.716.318)	(1.664.716.318)
Cộng	(3.547.283.881)	(3.547.283.881)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	20.910.297.022	23.338.471.816
Công cụ, dụng cụ	998.200.224	637.361.393
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	258.741.638.661	146.137.467.061
Cộng	280.650.135.907	170.113.300.270

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	17.336.964.363	72.185.188.134	30.083.716.531	2.343.905.495	121.949.774.523
Mua sắm mới		33.636.364	561.150.000		594.786.364
Giảm do bán TS				719.110.000	719.110.000
Số cuối năm	17.336.964.363	72.218.824.498	30.644.866.531	1.624.795.495	121.825.450.887
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.548.682.973	54.929.561.376	28.498.646.861	1.811.152.889	94.788.044.099
Khấu hao trong kỳ	1.062.038.367	4.073.871.488	667.696.641	337.455.165	6.141.061.661
Tăng do nhận sáp nhập					
Số cuối năm	10.610.721.340	59.003.432.864	29.166.343.502	1.429.498.054	100.209.995.760
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.788.281.390	17.255.626.758	1.585.069.670	632.752.606	27.161.730.424
Số cuối năm	6.726.243.023	13.215.391.634	1.478.523.029	195.297.441	21.615.455.127

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 59.052.048.361 VND và 17.837.621.334 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn.

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Tăng trong năm			
Giảm trong năm			
Số cuối năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		500.000.000	500.000.000

Giá trị hao mòn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
Số đầu năm		500.000.000	500.000.000
Khấu hao trong năm			
Số cuối năm		500.000.000	500.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.620.000.000		1.620.000.000
Số cuối kỳ	1.620.000.000		1.620.000.000

8. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 ⁽ⁱ⁾	4.012.219	40.122.190.590	3.975.247	39.752.465.515
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾	4.348.714	43.487.136.626	4.058.968	40.589.676.626
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco ^(iv)		5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco ^(v)		5.000.000.000		5.000.000.000
Cộng		93.609.327.216		90.342.142.141

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 4900262326 ngày 02 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 52.640.000.000 VND, tương đương 56% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2015, Công ty đã đầu tư 40.122.190.590 VND, tương đương 42 % vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 12.637.999.341 VND.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5100199853 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang 32.400.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Theo nghị quyết số 21/NQ/HĐQT ngày 27/07/2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Someco Sông Đà về việc tiếp tục góp vốn vào dự án Thủy điện Nậm Ly 1, Công ty sẽ đảm nhận và tiếp tục góp toàn bộ số vốn còn góp thiếu của các cổ đông còn lại không góp. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 1.767.344.000 VND. Đến thời điểm 30 tháng 09 năm 2015, Công ty đã đầu tư 43.487.136.626 VND, tương đương 75% vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0104835162 ngày 05 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco.

^(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 0104755407 ngày 15 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7 (nhận ủy thác đầu tư)	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
Cộng		1.150.000.000		1.150.000.000

10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(7.536.988.980)	(7.536.988.980)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.611.997.617)	
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	(9.148.986.597)	(7.536.988.980)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất					
Xưởng Cơ khí Đà Nẵng	8.006.952.429		184.458.369		7.822.494.060
Cộng	8.006.952.429		184.458.369		7.822.494.060

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	181.865.493.468	147.264.708.509
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	169.896.041.660	147.264.708.509
- Ngân hàng nông nghiệp – CN Hồng Hà	11,969,451,808	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	34.314.984.571	34.314.984.571
- Tổng công ty Sông Đà	34.314.984.571	34.314.984.571
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)		230.625.000
Cộng	216.180.478.039	181.810.318.080

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	45.000.063.126	1.906.937.768	2.340.451.003	44.566.549.891
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.595.662.708	1.097.418.958	1.900.000.000	12.793.081.666
Thuế thu nhập cá nhân	868.812.737	406.486.758	11.871.332	1.263.428.163
Thuế nhà đất,	3.371.333.220	522.831.200	300.000.000	3.594.164.420

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
tiền thuê đất				
Các loại thuế khác		5.000.000	5.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	32.252.719			32.252.719
Cộng	62.868.124.510	3.938.674.684	4.557.322.335	62.249.476.859

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	5 - 10%
Hoạt động thương mại	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2015, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.537.247.628	1.540.855.673
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.451.020.362	
- Các khoản điều chỉnh tăng (các khoản chi phí không được trừ)	1.451.020.362	792.232.226
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)		
Thu nhập chịu thuế	4.988.267.990	2.333.087.899
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	4.988.267.990	2.333.087.899
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.097.418.958	513.279.338
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		142.068.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.097.418.958	655.348.266
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	14.710.108.677	18.693.048.380
Chi phí khác	2.002.352.695	653.491.943
Cộng	16.712.461.372	19.346.540.323

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.109.862.277	2.604.077.519
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	19.768.605.431	20.080.950.544
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	477.878.703	451.399.089
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.695.389.460	8.870.586.295
Phải trả Tổng công ty Sông Đà	9.686.555.526	8.707.371.730
Tiền phạt thuế	4.047.207.088	2.643.353.492
Quỹ tự nguyện	37.000.631	140.529.151
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào		
Nhận ủy thác đầu tư		1.150.000.000
Lương của CBCNV chưa nhận	489.555.073	597.792.317
Phải trả Công ty con	157.409.422	1.985.228.561
Ban điều hành Dự án thủy điện Xecaman 3	15.947.972.339	15.947.972.339
Các khoản phải trả khác	4.416.315.300	4.466.061.255
Cộng	<u>65.833.751.250</u>	<u>67.645.322.292</u>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.572.176.646	1.158.775.504
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	401.845.293	191.156.746
Tăng do sáp nhập		1.318.244.396
Chi quỹ	(331.800.000)	(96.000.000)
Số cuối năm	<u>2.642.621.939</u>	<u>2.572.176.646</u>

17. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội		
Cộng		

18. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Chi phí bảo hành công trình xây lắp</u>	<u>Hợp đồng có rủi ro lớn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	5.889.778.194		5.889.778.194
Tăng do trích lập trong năm			
Tăng do sáp nhập			
Số đã sử dụng trong năm			
Số đã hoàn nhập trong năm	5.889.778.194		5.889.778.194
Số cuối năm			

Chi phí bảo hành công trình xây lắp: chủ yếu là dự phòng bảo hành công trình thủy điện Nậm Chiến và đã hoàn nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70.000.000.000	11.927.177.227	31.255.272.249	3.826.858.254	7.784.535.630	124.793.843.360
Lợi nhuận trong năm trước			191.156.746	95.578.373	4.018.452.928	4.018.452.928
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	7.350.000.000		5.425.960.701	659.122.198	(477.891.865)	(191.156.746)
Tăng do sáp nhập					3.289.407.143	16.724.490.042
Số dư cuối năm trước	77.350.000.000	11.927.177.227	36.872.389.696	4.581.558.825	14.614.503.836	145.345.629.584
Số dư đầu năm nay	77.350.000.000	11.927.177.227	41.453.948.521		14.614.503.836	145.345.629.584
Tăng do sáp nhập					2.439.828.670	2.439.828.670
Lợi nhuận kỳ này			602.767.939		(1.004.613.232)	(401.845.293)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước						
Số dư cuối kỳ	77.350.000.000	11.927.177.227	42.056.716.460	4.581.558.825	16.049.719.274	147.383.612.961

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	41.650.000.000	41.650.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	89.277.177.227	89.277.177.227

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Cổ tức**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức các năm trước		6.563.645

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.735.000	7.735.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.735.000	7.735.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.735.000	7.735.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Tổng doanh thu	189.237.708.666	111.553.865.681
- Doanh thu bán hàng hóa		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	447.378.069	573.922.556
- Doanh thu hoạt động xây dựng	188.790.330.597	110.979.943.786
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(176.350.940)	(3.864.068.323)
- Giảm giá hàng bán	(176.350.940)	(3.864.068.323)
Doanh thu thuần	<u>189.061.357.726</u>	<u>107.689.797.358</u>

Trong đó:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa		
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	447.378.069	573.922.556
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	188.613.979.657	107.115.875.463

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp		
Giá vốn của hợp đồng xây dựng ⁽ⁱ⁾	159.434.328.170	84.202.613.168
Cộng	<u>159.434.328.170</u>	<u>84.202.613.168</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	138.358.122	34.050.841
Lãi cho vay vốn	3.115.381.411	8.717.850.461
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	55.089.769	63.363
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Cộng	<u>3.308.829.302</u>	<u>8.751.964.665</u>

4. Chi phí tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Chi phí lãi vay	14.238.346.902	16.664.061.396
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		4.341.530
DP giảm giá các khoản ĐT ngắn hạn, dài hạn	1.611.997.617	1.127.214.762
Cộng	<u>15.850.344.519</u>	<u>17.795.617.688</u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Chi phí cho nhân viên	10.202.390.227	7.782.020.584
Chi phí vật liệu quản lý	577.867.465	615.660.382
Chi phí đồ dùng văn phòng	101.843.209	100.850.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	431.918.734	811.998.252
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	8.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.818.241.723	1.795.652.438
Chi phí bằng tiền khác	3.732.400.681	1.820.189.963
Cộng	<u>17.869.662.039</u>	<u>12.934.371.619</u>
6. Thu nhập khác		
	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Thu nhập từ bán hồ sơ thầu		34.545.457
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	5.889.778.194	
Xử lý khoản nợ không phải trả		
Thu nhập khác	170.086.152	1.612.686.689
Cộng	<u>6.059.864.346</u>	<u>1.647.232.146</u>
7. Chi phí khác		
	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	195.056.708	1.005.896.315
Chi phí lãi chậm trả tiền BHXH	1.225.763.654	599.817.653
Tiền nộp phạt vi phạm hành chính	112.509.973	
Điều chỉnh công nợ nhỏ lẻ		53
Chi phí khác	205.138.682	9.822.000
Cộng	<u>1.738.469.017</u>	<u>1.615.536.021</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty nhận vốn góp
Công ty nhận vốn góp
Công ty nhận vốn góp

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí cho các Chi nhánh và Công ty con, thu phụ phí của các Công ty con ...

Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu



Mai Thị Na

Kế toán trưởng



Đàm Trung Kiên

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn